TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Bà Võ Thị Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Triệu Thị Oanh N**; Sinh năm: 1977. Địa chỉ: ấp G, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Thạch Ư**; Sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp G, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Triệu Thị Oanh N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1999, bà Triệu Thị Oanh N có quen biết và tổ chức đám cưới với ông Thạch Ư theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Thạch Ư không còn, nên bà N yêu cầu Tòa án

tuyên bố giữa bà và ông Thạch Ư không phải là vợ chồng; Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông Thạch Ư có 02 người con chung là Thạch R, sinh ngày 10/4/2000 và Thạch Thị Thu M, sinh ngày 23/02/2004. Hiện nay, Thạch R và Thạch Thị Thu M đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân được, không mắc bệnh tật gì, nên bà N không có yêu cầu gì về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà N không có yêu cầu gì.

Bị đơn là ông Thạch Ư đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông Thạch Ư không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Thạch Ư.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tuyên bố giữa bà N và ông Thạch Ư không phải là vợ chồng; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Thạch Ư là bị đơn trong vụ án, ông Thạch Ư đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Ư.

Đối với nguyên đơn là bà Triệu Thị Oanh N đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Triệu Thị Oanh N và ông Thạch Ư có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1999, trên tinh thần tự nguyện của ông bà, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nhưng ông bà không tìm giải pháp

hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà và ông Thạch Ư không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông Thạch Ư chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà và ông Thạch Ư không phải là vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận bà N và ông Thạch Ư là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông Thạch Ư có 02 người con chung là Thạch R, sinh ngày 10/4/2000 và Thạch Thị Thu M, sinh ngày 23/02/2004. Hiện nay, Thạch R và Thạch Thị Thu M đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân được, không mắc bệnh tật gì, nên bà N không có yêu cầu gì về con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông Thạch Ư không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Oanh N.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Triệu Thị Oanh N và ông Thạch Ư là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông Thạch Ư có 02 người con chung là Thạch R, sinh ngày 10/4/2000 và Thạch Thị Thu M, sinh ngày 23/02/2004. Hiện nay, Thạch R và Thạch Thị Thu M đã thành niên, tự lao

động nuôi sống bản thân được, không mắc bệnh tật gì, nên bà N không có yêu cầu gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Triệu Thị Oanh N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí, Tòa án số 0006668 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà N đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình; ông Thạch Ư không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Triệu Thị Oanh N và ông Thạch Ư có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên